

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **72/2020/HSST**  
Ngày: 25/8/2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Bảnh.**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà **Phan Thị Quý**

**Ông Nguyễn Đức Duy**

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Võ Trương Tấn Thành**, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:** Ông **Đàm Viễn Khương** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2020 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 67/2020/HSST ngày 23 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2020/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 8 năm 2020 đối với các bị cáo:

**1/ Nguyễn Cao C**, sinh năm 1990 tại tỉnh Tiền Giang; Tên gọi khác: Không; HKTT và chỗ ở: ấp ĐA, xã ĐH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: Nhân viên tiếp thị; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 11/12; Con ông Nguyễn Văn C1 (chết) và bà Cao Thu T, sinh năm 1962, nghề nghiệp: Buôn bán; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: không; Bị bắt tạm giữ từ ngày 21/5/2020, chuyển tạm giam ngày 24/5/2020, hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang (*Có mặt tại phiên tòa*).

**2/ Nguyễn Quốc T1**, sinh năm 2000 tại tỉnh Tiền Giang; Tên gọi khác: Không; HKTT và chỗ ở: ấp ĐB, xã ĐH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông Nguyễn Quốc H, sinh năm: 1972, nghề nghiệp: Làm thuê và bà Lê Thị Thiên H1, sinh năm 1980, nghề nghiệp: Làm thuê; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: không; Bị bắt tạm giữ từ ngày 21/5/2020, chuyển tạm giam ngày 24/5/2020, hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Nhân thân: ngày 31/10/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xử phạt 01 năm cải tạo không giam giữ về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS đã chấp hành xong hình phạt vào ngày

21/12/2019; tại thời điểm phạm tội này, T1 chưa đủ 18 tuổi nên căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 107 BLHS T1 đã được xóa án tích (có mặt tại phiên tòa)

-Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quốc T1: Bà **Bùi Thị Khánh T2** – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Tiền Giang.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ **Đào Lê Thế V**, sinh năm: 1973 (vắng mặt)

2/ **Đào Thế P**, sinh năm: 2001 (vắng mặt)

Trú tại: ấp TT, xã ĐH, huyện CT, Tiền Giang

3/ **Cao Thu T**, sinh năm: 1962 (có mặt)

Trú tại: ấp DB, xã ĐH, huyện CT, Tiền Giang

-Người làm chứng:

1/ **Trần Văn H2**, sinh năm: 1972 (vắng mặt)

Trú tại: ấp BHB, xã BT, huyện CT, Tiền Giang

2/ **Nguyễn Văn K**, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Trú tại: ấp BB, xã ĐH, huyện CT, Tiền Giang

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ ngày 20/5/2020 trong lúc Nguyễn Cao C uống nước với Đào Thế P thì C có hỏi mượn P xe mô tô biển số 63B3-389.40 để đi công việc, P đồng ý nên C đã điều khiển xe 63B3-389.40 đến nhà của Nguyễn Quốc T1. Trong lúc nói chuyện, C rủ T1 đến nhà của Nguyễn Hồng P1 (tên thường gọi “AB”, “BC” ở ấp H, xã ĐH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang để mua ma túy về sử dụng chung thì T1 đồng ý. C giao xe 63B3-389.40 cho T1 điều khiển chở C ngồi phía sau, do trước đó T1 đã đến nhà Hồng P1 mua ma túy nên T1 biết đường đi. Trên đường đi, C điện thoại cho Hồng P1 để thông báo sẽ đến mua ma túy với số tiền 200.000 đồng, Hồng P1 đồng ý.

Đến khoảng 23 giờ cùng ngày thì T1 và C đến trước nhà Nguyễn Hồng P1. Tiến dừng xe ở ven đường rồi ngồi trên xe đợi để C đi vào. C vào và nói chuyện với một người nam bên trong nhà (nghĩ vẫn là Hồng P1), người trong nhà kêu C nhét số tiền mua ma túy 200.000 đồng qua khe cửa, sau đó người này nhét trở lại một gói ny lon chứa ma túy đưa cho C. Sau khi có được ma túy, C cầm ma túy ở bàn tay phải rồi ra xe để T1 chở về. Khi đi được một đoạn khoảng 500 mét thì có lực lượng Công an xã Diêm Hy đang tuần tra, do thấy T1 và C có dấu hiệu khả nghi nên đã chặn dừng phương tiện để kiểm tra. Lúc này do lo sợ bị phát hiện nên C để gói ma túy đang cầm trong tay cho rơi xuống mặt đường tại vị trí gần xe 63B3-389.40. Tuy nhiên hành vi của C đã bị Công an phát hiện, C thừa nhận đây là gói ma túy vừa bỏ xuống nên Công an xã Diêm Hy tiến hành giữ người, phương tiện và vật chứng, đồng thời thông báo cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành để phối hợp lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với C, T1 và niêm phong vật chứng là ma túy.

Kết luận giám định số 115/KLGD-PC09 ngày 22/5/2020 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Tiền Giang xác định: 01 (một) gói nylon màu trắng được hàn kín, để trong một bì thư được niêm phong có chữ ký ghi họ tên: Nguyễn

Cao C, Nguyễn Quốc T1 và hình dấu tròn màu đỏ có nội dung: CÔNG AN XÃ ĐIỀM HY – CÔNG AN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH TIỀN GIANG; gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,3672gam, loại Methamphetamine.

Tại bản cáo trạng số 73/CT-VKS-CT ngày 15/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang đã truy tố bị cáo Nguyễn Cao C và Nguyễn Quốc T1 để xét xử về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

-Bị cáo C, bị cáo T1 đã khai nhận hành vi của mình như cáo trạng đã nêu; các bị cáo ăn năn hối cải, xin được giảm nhẹ hình phạt.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Cao Thu T yêu cầu được nhận lại điện thoại di động hiệu Vivo.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố đối với hai bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 (BLHS); Phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo, đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Cao C và Nguyễn Quốc T1 phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

Về hình phạt: căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 50, 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Cao C từ 15 đến 18 tháng tù; Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 50, 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc T1 từ 12 đến 15 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: căn cứ khoản 1 Điều 47 BLHS và khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS), đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 (một) bì thư được niêm phong ký hiệu vụ số: 115, ghi ngày 22 tháng 5 năm 2020, có chữ ký ghi họ tên: Nguyễn Thanh Trường (Giám định viên – Bên giao Huỳnh Thị Diệu Linh (Trợ lý giám định), chữ ký ghi họ tên: Nguyễn Ngọc Diệp (Bên nhận) và hình dấu tròn màu đỏ có nội dung: PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ - CÔNG AN TỈNH TIỀN GIANG; trả lại cho bà Cao Thu T điện thoại di động Vivo màu vàng; ghi nhận việc xử lý của Cơ quan điều tra đối với xe 63B3-389.40.

-Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quốc T1 trình bày ý kiến tranh luận: thống nhất về tội danh và các tình tiết giảm nhẹ mà đại diện Viện Kiểm sát nêu. Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận thêm các tình tiết là bị cáo T1 giúp sức thụ động, chỉ bộc phát chứ không có chuẩn bị trước; bị cáo không gian dối khi khai báo; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, cha bỏ đi, mẹ làm xa, bị cáo phải ở nhà với bà ngoại và chăm sóc 2 em nhưng có phụ lo trong nhà và làm thuê để có chi phí vì vậy bị cáo có khả năng cải tạo, do đó cần sự khoan dung của Hội đồng xét xử.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của hai bị cáo. Xét thấy:

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Cao C và Nguyễn Quốc T1 đã khai nhận hành vi phạm tội của hai bị cáo như nội dung cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của hai bị cáo phù hợp với lời khai của hai bị cáo tại Cơ quan điều tra; biên bản khám nghiệm hiện trường; lời khai của người làm chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện:

Vào ngày 20/5/2020 Nguyễn Cao C rủ Nguyễn Quốc T1 đi mua ma túy về sử dụng thì Tiến đồng ý. Tiến điều khiển xe mô tô biển số 63B3-389.40 chở C đến khu vực ấp H, xã ĐH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang để mua ma túy. Sau khi C mua được ma túy, T1 điều khiển xe chở C về. Trên đường đi, cả hai bị Công an xã Diêm Hy kiểm tra, phát hiện bắt quả tang C và T1 tàng trữ trái phép chất ma túy có khối lượng 0,3672 gam là Methamphetamine.

Do đó, có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Cao C và Nguyễn Quốc T1 phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo.

Xét thấy, hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng. Hành vi mua và tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng và cho người khác sử dụng là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về quản lý các chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội ở địa phương. Hành vi của hai bị cáo cần phải được xử lý nghiêm khắc trước pháp luật nhằm giáo dục cho hai bị cáo trở thành công dân tốt và mang tính chất răn đe, giáo dục phòng ngừa chung cho xã hội. Hai bị cáo thực hiện tội phạm thuộc đồng phạm giản đơn, C rủ T1 đi mua ma túy về sử dụng chung thì T1 đồng ý. Do T1 không có tiền nên C tự bỏ tiền để mua ma túy; T1 giúp sức cho C bằng việc điều khiển xe chở C đến nhà người bán ma túy, sau khi mua được ma túy thì T1 điều khiển xe chở C về, như vậy ường là người thực hành, T1 giữ vai trò là đồng phạm giúp sức nên mức hình phạt sẽ tương xứng đối với từng bị cáo.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng cân nhắc đến việc Bị cáo C không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo có nhân thân tốt; phạm tội lần đầu; bị cáo có cha là thương binh; trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; được xem là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

Đối với bị cáo T1, bị cáo cũng không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhân thân chưa tốt, đã được xóa án tích; bị cáo thuộc hộ nghèo; trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được xem là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

Đối với bà Cao Thu T, ông Đào Lê Thế V và anh Đào Thế P khi đưa cho Cường điện thoại di động và xe mô tô 63B3-389.40 không biết Cường, Tiến sử

dụng làm phương tiện để mua ma túy nên không xem xét trách nhiệm hình sự là có cơ sở.

Đối với Nguyễn Hồng P1, qua xác minh không có mặt tại nơi cư trú nên chưa thể làm việc được, Cơ quan điều tra tiếp tục thu thập chứng cứ, nếu đủ chứng cứ sẽ xử lý trong vụ án khác là có căn cứ.

[3] Xử lý vật chứng:

Đối với xe mô tô biển số 63B3-389.40 là tài sản của ông Đào Lê Thế V sở hữu, ngày 20/5/2020 đưa xe cho con là Đào Thế P sử dụng, sau đó P cho C mượn xe. Khi C và T1 sử dụng xe làm phương tiện đi mua ma túy thì ông V và anh P không biết, Cơ quan cảnh sát điều tra đã xử lý trao trả cho ông V là đúng quy định pháp luật nên cần ghi nhận.

Đối với điện thoại di động hiệu “Vivo” màu vàng. Theo Bị cáo C và bà Cao Thu T thì điện thoại này là của bà T, ngày 20/5/2020 bà T đang sạc pin điện thoại thì C hỏi mượn đi chơi, bà T đồng ý. Sau đó C sử dụng điện thoại này để làm phương tiện liên lạc mua ma túy, bà T không biết và có yêu cầu nhận lại là đúng quy định nên cần trả lại cho bà T.

Đối với vật chứng là 01 (một) bì thư được niêm phong ký hiệu vụ số: 115, ghi ngày 22 tháng 5 năm 2020, có chữ ký ghi họ tên: Nguyễn Thanh Trường (Giám định viên – Bên giao Huỳnh Thị Diệu Linh (Trợ lý giám định), chữ ký ghi họ tên: Nguyễn Ngọc Diệp (Bên nhận) và hình dấu tròn màu đỏ có nội dung: PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ - CÔNG AN TỈNH TIỀN GIANG là ma túy còn lại sau giám định, đây là vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy.

[4] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và hợp pháp.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát.

Đối với ý kiến của người bào chữa cho bị cáo T1, xét thấy có cơ sở và phù hợp pháp luật như nhận định trên nên chấp nhận ý kiến của người bào chữa.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Cao C và Nguyễn Quốc T1** phạm tội **“Tàng trữ trái phép chất ma túy”**.

1/ Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 50, Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Cao C 01 (Một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 21/5/2020.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc T1 01 (Một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 21/5/2020.

2/ *Về vật chứng*: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

-Ghi nhận Cơ quan điều tra đã xử lý trả xe mô tô biển số 63B3-389.40 cho ông Đào Lê Thế V xong.

-Tịch thu tiêu hủy 01 (một) bì thư được niêm phong ký hiệu vụ số: 115, ghi ngày 22 tháng 5 năm 2020, có chữ ký ghi họ tên: Nguyễn Thanh Trường (Giám định viên – Bên giao Huỳnh Thị Diệu Linh (Trợ lý giám định), chữ ký ghi họ tên: Nguyễn Ngọc Điệp (Bên nhận) và hình dấu tròn màu đỏ có nội dung: PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ - CÔNG AN TỈNH TIỀN GIANG.

-Trả lại cho bà Cao Thu T 01 điện thoại di động hiệu Vivo màu vàng.  
(Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 10/8/2020)

3/ *Về án phí*: Căn cứ Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4/ *Về quyền kháng cáo*: Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- VKSND HCT;
- Chi cục THADS HCT;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**ĐÃ KÝ**

**NGUYỄN THỊ BẢNH**